

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 01

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	6001	Thái Châu Quỳnh Anh	30/05/2013	Nữ	6.1	
2	6002	Trần Ngọc Khánh An	19/09/2013	Nữ	6.4	
3	6003	Nguyễn Huỳnh Mỹ Anh	08/11/2013	Nữ	6.2	
4	6004	Trần Anh Gia Bảo	24/08/2013	Nam	6.2	
5	6005	Thái Nguyễn Gia Bảo	28/11/2013	Nam	6.3	
6	6006	Trần Lê Lê Bảo	07/09/2013	Nam	6.4	
7	6007	Lê Văn Bảo	18/03/2012	Nam	6.5	
8	6008	Nguyễn Lê Bình	12/10/2013	Nam	6.1	
9	6009	Nguyễn Ngọc Bình	08/05/2013	Nữ	6.3	
10	6010	Võ Bích Châu	28/09/2013	Nữ	6.5	
11	6011	Nguyễn Minh Chiêu	13/10/2013	Nam	6.4	
12	6012	Nguyễn Thái Ngọc Danh	28/10/2013	Nam	6.3	
13	6013	Hồ Đắc Di	20/07/2013	Nam	6.2	
14	6014	Trần Đặng Thúy Diễm	30/03/2013	Nữ	6.2	
15	6015	Nguyễn Thị Huyền Diệu	18/02/2013	Nữ	6.5	
16	6016	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	11/11/2012	Nữ	6.6	
17	6017	Đặng Hạnh Dung	10/02/2013	Nữ	6.3	
18	6018	Trần Lê Ngọc Duy	09/12/2013	Nam	6.1	
19	6019	Đỗ Huỳnh Quốc Duy	09/10/2013	Nam	6.2	
20	6020	Đặng Khánh Duy	31/01/2013	Nam	6.5	
21	6021	Trương Hà Duyên	30/12/2013	Nữ	6.2	
22	6022	Phạm Ngọc Khánh Duyên	16/03/2013	Nữ	6.4	
23	6023	Nguyễn Võ Kỳ Duyên	16/02/2013	Nữ	6.5	
24	6024	Nguyễn Đình Dương	28/04/2013	Nam	6.1	
25	6025	Nguyễn Ngọc Hải Dương	04/11/2013	Nam	6.3	
26	6026	Huỳnh Thái Dương	07/02/2012	Nam	6.4	
27	6027	Hà Ngọc Ánh Dương	20/05/2013	Nữ	6.6	
28	6028	Đỗ Tiến Đà	03/07/2013	Nam	6.5	
29	6029	Huỳnh Nguyễn Lin Đan	06/11/2013	Nữ	6.2	
30	6030	Nguyễn Minh Đăng	05/12/2013	Nam	6.1	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 02

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	6031	Nguyễn Khánh Đăng	16/10/2013	Nam	6.6	
2	6032	Phạm Trần Minh Hà	16/10/2013	Nữ	6.1	
3	6033	Đỗ Thị Hạnh	10/10/2013	Nữ	6.3	
4	6034	Đỗ Hoàng Phi Hào	17/05/2012	Nam	6.2	
5	6035	Bùi Lê Như Hào	28/11/2013	Nữ	6.5	
6	6036	Lê Nguyễn Ngọc Hân	17/08/2013	Nữ	6.1	
7	6037	Phạm Lê Gia Hân	25/11/2013	Nữ	6.3	
8	6038	Nguyễn Thị Bích Hân	25/04/2013	Nữ	6.4	
9	6039	Lê Vũ Gia Hân	23/10/2013	Nữ	6.4	
10	6040	Nguyễn Ngọc Diễm Hân	26/03/2013	Nữ	6.5	
11	6041	Lê Phan Khánh Hân	18/11/2013	Nữ	6.5	
12	6042	Võ Nguyễn Khánh Hân	19/11/2013	Nữ	6.6	
13	6043	Hồ Thị Thanh Hậu	06/08/2013	Nữ	6.2	
14	6044	Huỳnh Thị Phúc Hậu	12/08/2013	Nữ	6.6	
15	6045	Lê Duy Hiền	10/05/2013	Nam	6.3	
16	6046	Lê Đăng Hiếu	20/02/2013	Nam	6.4	
17	6047	Huỳnh Tô Gia Hòa	08/11/2013	Nam	6.5	
18	6048	Nguyễn Thị Thu Hoài	08/09/2013	Nữ	6.3	
19	6049	Nguyễn Phạm Vũ Hoàng	24/04/2013	Nam	6.2	
20	6050	Lê Gia Huy	22/11/2013	Nam	6.1	
21	6051	Trần Anh Huy	16/08/2013	Nam	6.2	
22	6052	Thái Hùng Huy	02/02/2013	Nam	6.3	
23	6053	Nguyễn Quốc Huy	04/11/2013	Nam	6.4	
24	6054	Nguyễn Thị Hồng Huyền	07/02/2013	Nữ	6.1	
25	6055	Bùi Bảo Huyền	07/09/2013	Nữ	6.4	
26	6056	Trương Thị Thanh Huyền	17/12/2013	Nữ	6.5	
27	6057	Huỳnh Nhật Khánh Hưng	07/04/2013	Nam	6.6	
28	6058	Trần Gia Kiệt	02/11/2013	Nam	6.2	
29	6059	Hoàng Nguyễn Anh Kiệt	23/04/2013	Nam	6.4	
30	6060	Nguyễn Hà Trúc Kiều	07/07/2013	Nữ	6.2	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP  
KHỐI 6

KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
Năm học 2024-2025  
(Từ SBD 6061 đến SBD 6090)

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 03

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	6061	Đình Hoàng Kiều	10/12/2013	Nữ	6.3	
2	6062	Bùi Duy Khang	29/10/2013	Nam	6.1	
3	6063	Trần Bảo Khang	18/11/2013	Nam	6.2	
4	6064	Đoàn Nguyên Khang	07/09/2013	Nam	6.2	
5	6065	Lê Chí Khang	29/12/2013	Nam	6.3	
6	6066	Phan Quang Khang	16/12/2013	Nam	6.4	
7	6067	Huỳnh Gia Khang	06/05/2013	Nam	6.5	
8	6068	Ngô Nhất Khang	14/06/2013	Nam	6.6	
9	6069	Hà Phương Khanh	28/08/2013	Nam	6.5	
10	6070	Đặng Minh Khôi	03/05/2013	Nam	6.1	
11	6071	Hà Võ Nguyên Khôi	21/05/2013	Nam	6.3	
12	6072	Nguyễn Ánh Phương Lam	29/09/2013	Nữ	6.1	
13	6073	Bùi Nguyễn Linh Lan	22/09/2013	Nữ	6.6	
14	6074	Trần Ngọc Thùy Lâm	01/07/2013	Nữ	6.3	
15	6075	Nguyễn Hoài Lâm	09/03/2012	Nam	6.4	
16	6076	Đình Dương Quốc Lập	21/02/2013	Nam	6.5	
17	6077	Thái Trần Gia Linh	03/11/2013	Nữ	6.1	
18	6078	Phạm Thị Kiều Linh	31/12/2013	Nữ	6.2	
19	6079	Trần Thùy Linh	03/10/2013	Nữ	6.3	
20	6080	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	24/06/2013	Nữ	6.4	
21	6081	Hoàng Thị Thanh Loan	20/03/2013	Nữ	6.5	
22	6082	Nguyễn Thành Luân	30/03/2012	Nam	6.1	
23	6083	Huỳnh Nguyễn Ngọc Luân	25/03/2013	Nam	6.6	
24	6084	Đình Đặng Xuân Mai	21/11/2013	Nữ	6.4	
25	6085	Bình Trúc Mơ	05/09/2013	Nữ	6.5	
26	6086	Hà Bảo My	18/05/2013	Nữ	6.1	
27	6087	Nguyễn Trương Khả My	01/11/2013	Nữ	6.1	
28	6088	Lê Vân My	10/08/2013	Nữ	6.2	
29	6089	Lê Hoàng Diễm My	07/09/2013	Nữ	6.6	
30	6090	Nguyễn Lương Thảo My	08/06/2013	Nữ	6.6	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 04**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	6091	Nguyễn Bảo Nam	29/11/2013	Nam	6.3	
2	6092	Đình Văn Thành Nam	22/10/2013	Nam	6.4	
3	6093	Lê Nguyễn Nam	05/05/2013	Nam	6.5	
4	6094	Nguyễn Thị Kim Nga	17/10/2013	Nữ	6.2	
5	6095	Nguyễn Thị Kim Nga	06/03/2013	Nữ	6.3	
6	6096	Nguyễn Phạm Thảo Ngân	29/08/2013	Nữ	6.3	
7	6097	Nguyễn Võ Kim Ngân	14/01/2013	Nữ	6.4	
8	6098	Trần Văn Nghĩa	31/10/2013	Nam	6.5	
9	6099	Phạm Gia Nghiêm	11/11/2013	Nam	6.6	
10	6100	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	28/05/2013	Nữ	6.3	
11	6101	Võ Nhật Thảo Nguyên	05/09/2013	Nữ	6.4	
12	6102	Hồ Ngọc Thảo Nguyên	09/06/2013	Nữ	6.5	
13	6103	Phạm Nguyễn Như Nguyệt	22/08/2013	Nữ	6.6	
14	6104	Nguyễn Hữu Nhân	19/06/2013	Nam	6.1	
15	6105	Nguyễn Võ Thành Nhân	13/11/2012	Nam	6.2	
16	6106	Nguyễn Thiên Nhân	20/10/2013	Nam	6.3	
17	6107	Huỳnh Trung Nhật	04/11/2013	Nam	6.4	
18	6108	Trần Ngọc Yên Nhi	26/08/2013	Nữ	6.2	
19	6109	Phạm Yên Nhi	06/04/2013	Nữ	6.3	
20	6110	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	29/01/2013	Nữ	6.4	
21	6111	Trần Ngọc Ý Nhi	06/04/2013	Nữ	6.6	
22	6112	Nguyễn Ngọc Bảo Như	11/10/2013	Nữ	6.5	
23	6113	Lâm Tâm Như	22/02/2013	Nữ	6.6	
24	6114	Đặng Ngọc Hoàng Phát	29/07/2013	Nam	6.6	
25	6115	Nguyễn Minh Phi	11/12/2012	Nam	6.3	
26	6116	Trương Thị My Phon	25/10/2013	Nữ	6.1	
27	6117	Nguyễn Văn Phong	03/11/2013	Nam	6.2	
28	6118	Ngô An Phú	27/10/2013	Nam	6.1	
29	6119	Nguyễn Thiên Phú	29/01/2013	Nam	6.6	
30	6120	Hà Bảo Phúc	24/09/2013	Nam	6.4	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 05**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	6121	Nguyễn Xuân Phúc	12/08/2013	Nam	6.5	
2	6122	Phạm Minh Phước	15/06/2013	Nam	6.6	
3	6123	Phạm Tiến Phương	07/09/2013	Nam	6.1	
4	6124	Nguyễn Gia Phương	25/02/2013	Nữ	6.6	
5	6125	Nguyễn Thị Bích Phương	12/11/2013	Nữ	6.2	
6	6126	Huỳnh Thị Ngọc Quanh	23/10/2013	Nữ	6.3	
7	6127	Lê Nguyễn Quốc Quân	21/11/2013	Nam	6.1	
8	6128	Nguyễn Lê Thiên Quân	31/12/2013	Nam	6.2	
9	6129	Nguyễn Thái Bảo Quốc	05/01/2013	Nam	6.3	
10	6130	Văn Nguyễn Anh Quốc	01/05/2011	Nam	6.4	
11	6131	Trần Thị Khánh Quy	23/04/2013	Nữ	6.4	
12	6132	Nguyễn Thị Lê Quy	13/05/2013	Nữ	6.5	
13	6133	Trần Xuân Quý	14/02/2013	Nam	6.2	
14	6134	Huỳnh Thanh Quý	09/03/2013	Nữ	6.3	
15	6135	Nguyễn Phú Quý	19/06/2013	Nam	6.4	
16	6136	Bùi Trần Trúc Quyên	25/03/2013	Nữ	6.2	
17	6137	Nguyễn Như Quỳnh	01/07/2013	Nữ	6.3	
18	6138	Lê Trung Duy Sang	28/11/2013	Nam	6.5	
19	6139	Hoàng Nguyễn Tâm Sen	23/06/2013	Nữ	6.4	
20	6140	Trương Thanh Tài	18/08/2012	Nam	6.1	
21	6141	Nguyễn Văn Chí Tài	30/05/2013	Nam	6.6	
22	6142	Nguyễn Thanh Tâm	14/12/2013	Nam	6.2	
23	6143	Võ Thị Ngọc Tiên	18/07/2013	Nữ	6.1	
24	6144	Phan Như Thảo Tiên	25/02/2013	Nữ	6.5	
25	6145	Trần Ngọc Thảo Tú	07/10/2013	Nữ	6.5	
26	6146	Trần Quốc Tuấn	02/07/2010	Nam	6.1	
27	6147	Võ Thiên Tuấn	22/04/2013	Nam	6.2	
28	6148	Nguyễn Mạnh Tuấn	08/10/2013	Nam	6.4	
29	6149	Nguyễn Minh Tuấn	29/08/2013	Nam	6.6	
30	6150	Trần Đỗ Thanh Tuyền	29/11/2013	Nữ	6.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 07**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	6151	Nguyễn Thanh Tuyền	13/05/2013	Nữ	6.6	
2	6152	Phạm Nguyễn Việt Tường	10/07/2013	Nam	6.3	
3	6153	Phạm Ngọc Thạch	28/06/2013	Nam	6.3	
4	6154	Lê Ngọc Thái	12/10/2013	Nam	6.3	
5	6155	Võ Hoàng Thành	02/04/2013	Nam	6.4	
6	6156	Nguyễn Tấn Thành	29/07/2013	Nam	6.5	
7	6157	Nguyễn Thanh Thảo	30/12/2013	Nam	6.1	
8	6158	Phạm Nguyễn Anh Thảo	15/03/2013	Nữ	6.2	
9	6159	Lê Thị Thanh Thảo	01/09/2011	Nữ	6.5	
10	6160	Trần Thị Khánh Thi	26/01/2013	Nữ	6.1	
11	6161	Thái Minh Thiện	19/07/2013	Nam	6.1	
12	6162	Lê Hữu Thịnh	30/12/2012	Nam	6.1	
13	6163	Nguyễn Phú Thịnh	10/09/2013	Nam	6.2	
14	6164	Nguyễn Phước Thịnh	04/07/2012	Nam	6.3	
15	6165	Nguyễn Quốc Thịnh	30/08/2013	Nam	6.4	
16	6166	Trương Trường Thọ	28/06/2013	Nam	6.1	
17	6167	Bùi Thị Ý Thơ	18/02/2013	Nữ	6.3	
18	6168	Nguyễn Tấn Thuận	04/11/2012	Nam	6.5	
19	6169	Huỳnh Hoàng Châu Thủy	22/01/2013	Nữ	6.2	
20	6170	Huỳnh Lê Anh Thư	14/07/2013	Nữ	6.1	
21	6171	Nguyễn Ngọc Minh Thư	14/11/2013	Nữ	6.3	
22	6172	Huỳnh Mẫn Thư	05/04/2013	Nữ	6.5	
23	6173	Bùi Thị Minh Thư	27/01/2013	Nữ	6.6	
24	6174	Lê Phương Hoàng Thức	20/10/2013	Nam	6.2	
25	6175	Võ Nguyễn Ngọc Thy	03/05/2013	Nữ	6.4	
26	6176	Văn Thị Yên Trang	26/08/2013	Nữ	6.1	
27	6177	Văn Thị Huyền Trang	19/01/2012	Nữ	6.6	
28	6178	Nguyễn Thị Bích Trâm	17/10/2013	Nữ	6.2	
29	6179	Trần Thị Ngọc Trâm	04/12/2013	Nữ	6.2	
30	6180	Lê Võ Ngọc Trâm	11/09/2013	Nữ	6.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP Năm học 2024-2025  
KHỐI 6 (Từ SBD 6181 đến SBD 6209)

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 08**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	6181	Nguyễn Thụy Thùy Trân	28/01/2013	Nữ	6.1	
2	6182	Trần Ngọc Trân	15/07/2013	Nữ	6.3	
3	6183	Trịnh Bảo Trân	08/10/2013	Nữ	6.5	
4	6184	Nguyễn Ngọc Khánh Trân	19/01/2013	Nữ	6.6	
5	6185	Ung Văn Trí	30/11/2013	Nam	6.1	
6	6186	Võ Minh Trí	02/01/2013	Nam	6.4	
7	6187	Lê Minh Trí	28/06/2013	Nam	6.5	
8	6188	Nguyễn Thanh Trí	23/11/2013	Nam	6.6	
9	6189	Trương Trường Ngọc Trinh	01/11/2013	Nữ	6.3	
10	6190	Nguyễn Lê Phương Trinh	27/10/2013	Nữ	6.4	
11	6191	Nguyễn Văn Trọng	04/01/2013	Nam	6.2	
12	6192	Trần Hữu Trục	26/11/2013	Nam	6.3	
13	6193	Lê Minh Trường	15/06/2013	Nam	6.4	
14	6194	Ngô Xuân Trường	08/07/2013	Nam	6.5	
15	6195	Đặng Ngọc Bảo Uyên	24/04/2013	Nữ	6.1	
16	6196	Trần Lê Nhã Uyên	16/12/2013	Nữ	6.6	
17	6197	Nguyễn Nguyệt Thảo Vi	28/05/2013	Nữ	6.2	
18	6198	Nguyễn Văn Vũ	19/05/2013	Nam	6.4	
19	6199	Trần Nguyễn Chí Vương	26/02/2013	Nam	6.5	
20	6200	Trương Quốc Vương	14/09/2013	Nam	6.6	
21	6201	Huỳnh Khánh Vy	20/01/2013	Nữ	6.1	
22	6202	Nguyễn Tường Vy	09/05/2013	Nữ	6.2	
23	6203	Phan Lê Nguyệt Vy	03/06/2013	Nữ	6.3	
24	6204	Nguyễn Phạm Tường Vy	21/11/2013	Nữ	6.4	
25	6205	Nguyễn Thị Tường Vy	11/12/2012	Nữ	6.5	
26	6206	Nguyễn Tường Vy	09/11/2013	Nữ	6.6	
27	6207	Lê Thị Như Ý	19/10/2013	Nữ	6.6	
28	6208	Lê Thị Ngọc Yến	17/10/2013	Nữ	6.1	
29	6209	Lê Phi Yến	03/04/2013	Nữ	6.4	

Danh sách có 29 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP Năm học 2024-2025  
KHỐI 7 (Từ SBD 7001 đến SBD 7030)

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 01**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	7001	Huỳnh Hiếu An	30/08/2012	Nữ	7.1	
2	7002	Đinh Thị Xuân An	03/10/2012	Nữ	7.2	
3	7003	Nguyễn Tuấn An	11/03/2012	Nam	7.5	
4	7004	Lương Hồ Nhật An	25/07/2012	Nam	7.6	
5	7005	Phan Thị Mỹ Anh	29/05/2012	Nữ	7.1	
6	7006	Nguyễn Ngọc Phi Anh	06/10/2012	Nữ	7.2	
7	7007	Châu Ngọc Anh	19/03/2012	Nam	7.3	
8	7008	Nguyễn Tuấn Anh	02/09/2012	Nam	7.3	
9	7009	Nguyễn Đức Anh	19/01/2012	Nam	7.4	
10	7010	Trương Thị Vân Anh	13/12/2012	Nữ	7.4	
11	7011	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	03/07/2012	Nữ	7.5	
12	7012	Phan Nguyễn Thúy Anh	23/01/2012	Nữ	7.5	
13	7013	Phạm Thị Ngọc Anh	15/07/2012	Nữ	7.6	
14	7014	Nguyễn Gia Bảo	30/03/2012	Nam	7.1	
15	7015	Huỳnh Quốc Bảo	21/02/2012	Nam	7.2	
16	7016	Bùi Lê Minh Bảo	08/12/2012	Nam	7.4	
17	7017	Đinh Gia Bảo	07/02/2012	Nam	7.5	
18	7018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	06/05/2012	Nam	7.6	
19	7019	Ngô Hải Băng	02/10/2012	Nữ	7.1	
20	7020	Nguyễn Hải Băng	30/10/2012	Nữ	7.3	
21	7021	Nguyễn Quỳnh Hạ Băng	06/07/2012	Nữ	7.5	
22	7022	Trần Thị Ngọc Bích	30/05/2012	Nữ	7.1	
23	7023	Nguyễn Hùng Cường	22/01/2012	Nam	7.3	
24	7024	Nguyễn Lưu Quốc Cường	16/11/2012	Nam	7.4	
25	7025	Nguyễn Thành Danh	03/09/2012	Nam	7.1	
26	7026	Phan Thành Danh	09/10/2012	Nam	7.2	
27	7027	Lê Công Danh	24/09/2011	Nam	7.5	
28	7028	Nguyễn Ngọc Kiều Diễm	02/10/2012	Nữ	7.3	
29	7029	Phan Thị Mỹ Diệu	05/01/2012	Nữ	7.1	
30	7030	Nguyễn Thị Thanh Diệu	07/06/2012	Nữ	7.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 02**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	7031	Trần Hồ Hiền Diệu	06/09/2012	Nữ	7.5	
2	7032	Nguyễn Thị Thùy Diệu	26/03/2012	Nữ	7.6	
3	7033	Huỳnh Ánh Duy	26/04/2012	Nữ	7.1	
4	7034	Nguyễn Duy	09/12/2012	Nam	7.3	
5	7035	Nguyễn Khánh Duy	09/12/2012	Nam	7.5	
6	7036	Trần Ngọc Hữu Duyên	10/02/2012	Nữ	7.2	
7	7037	Nguyễn Hoài Mỹ Duyên	28/02/2012	Nữ	7.4	
8	7038	Ngô Thanh Dương	07/01/2012	Nam	7.3	
9	7039	Huỳnh Thùy Dương	31/01/2012	Nữ	7.4	
10	7040	Võ Lâm Linh Đan	13/09/2012	Nữ	7.4	
11	7041	Nguyễn Lê Duy Đạt	07/11/2011	Nam	7.4	
12	7042	Võ Thành Đạt	23/07/2012	Nam	7.4	
13	7043	Phạm Trung An Định	10/01/2012	Nam	7.5	
14	7044	Lê Hữu Đức	25/03/2012	Nam	7.2	
15	7045	Lưu Hoàng Hạnh	05/04/2012	Nam	7.2	
16	7046	Lương Tú Hằng	15/07/2012	Nữ	7.6	
17	7047	Lương Gia Hân	24/11/2012	Nữ	7.1	
18	7048	Nguyễn Chí Hân	31/08/2012	Nam	7.3	
19	7049	Lê Thị Kim Hân	08/03/2012	Nữ	7.6	
20	7050	Lê Hoàng Hậu	03/07/2012	Nam	7.4	
21	7051	Võ Ngọc Hiếu	15/12/2012	Nam	7.2	
22	7052	Nguyễn Trung Hiếu	31/05/2012	Nam	7.4	
23	7053	Trần Hoàng Hiếu	05/07/2011	Nam	7.5	
24	7054	Hồ Thị Thanh Hoa	02/05/2012	Nữ	7.1	
25	7055	Phạm Quốc Hòa	18/08/2012	Nam	7.6	
26	7056	Trương Tấn Hùng	07/04/2012	Nam	7.3	
27	7057	Lương Quốc Gia Huy	03/02/2012	Nam	7.1	
28	7058	Lê Ngọc Huy	23/05/2012	Nam	7.1	
29	7059	Nguyễn Hồng Huy	26/05/2012	Nam	7.2	
30	7060	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2012	Nam	7.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 03**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	7061	Phạm Hoài Bảo Huy	14/09/2012	Nam	7.4	
2	7062	Nguyễn Đình Huy	14/07/2012	Nam	7.5	
3	7063	Trần Lê Gia Huy	02/01/2012	Nam	7.6	
4	7064	Lê Tấn Huy	22/06/2011	Nam	7.6	
5	7065	Trần Hà Khánh Huyền	12/02/2012	Nữ	7.2	
6	7066	Nguyễn Vũ Tú Huỳnh	15/11/2012	Nữ	7.5	
7	7067	Phạm Nguyễn Gia Hưng	01/10/2012	Nam	7.1	
8	7068	Trần Văn Hưng	08/09/2012	Nam	7.1	
9	7069	Phạm Gia Hưng	15/04/2012	Nam	7.2	
10	7070	Đàm Hữu Hưng	07/10/2012	Nam	7.3	
11	7071	Lê Khánh Hưng	23/07/2012	Nam	7.3	
12	7072	Huỳnh Nhật Minh Hưng	19/11/2012	Nam	7.4	
13	7073	Đình Tuấn Kiệt	21/12/2012	Nam	7.5	
14	7074	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/04/2012	Nam	7.6	
15	7075	Thái Huỳnh Kỳ	20/12/2012	Nam	7.1	
16	7076	Nguyễn Đăng Khải	31/03/2012	Nam	7.2	
17	7077	Nguyễn Trọng Khang	09/04/2012	Nam	7.1	
18	7078	Đặng Bảo Khang	07/11/2012	Nam	7.2	
19	7079	Nguyễn Trung Khang	02/08/2012	Nam	7.2	
20	7080	Huỳnh Sơn Khang	27/09/2012	Nam	7.3	
21	7081	Nguyễn Duy Khang	28/02/2012	Nam	7.4	
22	7082	Tăng Gia Khang	02/06/2011	Nam	7.4	
23	7083	Lê Văn Khang	20/08/2012	Nam	7.4	
24	7084	Trần Gia Khang	05/10/2012	Nam	7.5	
25	7085	Nguyễn Khang	19/11/2012	Nam	7.6	
26	7086	Nguyễn Minh Khiêm	22/05/2012	Nam	7.1	
27	7087	Huỳnh Đăng Khoa	20/05/2012	Nam	7.3	
28	7088	Võ Nguyễn Anh Khôi	04/08/2012	Nam	7.2	
29	7089	Phù Quang Khôi	02/05/2012	Nam	7.2	
30	7090	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	15/01/2012	Nam	7.5	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 04**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	7091	Nguyễn Thị Thanh Linh	21/09/2012	Nữ	7.3	
2	7092	Bùi Phạm Đạt Long	28/06/2011	Nam	7.1	
3	7093	Đỗ Ngọc Long	08/07/2012	Nam	7.2	
4	7094	Nguyễn Hoàng Phi Long	15/12/2012	Nam	7.3	
5	7095	Cao Văn Long	21/06/2012	Nam	7.3	
6	7096	Nguyễn Thành Long	11/08/2012	Nam	7.4	
7	7097	Lê Nhật Long	21/06/2012	Nam	7.6	
8	7098	Nguyễn Thành Long	22/08/2012	Nam	7.6	
9	7099	Bùi Tấn Lộc	14/03/2012	Nam	7.2	
10	7100	Võ Phúc Lộc	18/07/2012	Nam	7.3	
11	7101	Nguyễn Thị Ngọc Lượng	17/10/2012	Nữ	7.4	
12	7102	Nguyễn Hương Ly	27/02/2012	Nữ	7.5	
13	7103	Dương Thị Yến Mi	10/08/2012	Nữ	7.6	
14	7104	Ngô Hoài Khánh My	12/07/2012	Nữ	7.1	
15	7105	Hồ Trúc My	12/08/2012	Nữ	7.3	
16	7106	Nguyễn Ngọc Ái My	01/08/2012	Nữ	7.4	
17	7107	Nguyễn Thị Trúc My	16/01/2012	Nữ	7.5	
18	7108	Phạm Ngọc Nam	01/03/2010	Nam	7.4	
19	7109	Phạm Hải Nam	20/01/2012	Nam	7.6	
20	7110	Thái Vân Nga	11/09/2012	Nữ	7.3	
21	7111	Lê Bình Kim Ngân	23/09/2012	Nữ	7.2	
22	7112	Nguyễn Thị Thảo Ngân	18/07/2012	Nữ	7.3	
23	7113	Phan Thị Trúc Ngân	19/08/2012	Nữ	7.4	
24	7114	Trần Thị Bảo Ngọc	12/05/2012	Nữ	7.1	
25	7115	Trương Thanh Ngọc	28/04/2012	Nữ	7.2	
26	7116	Phan Lê Ánh Ngọc	25/09/2012	Nữ	7.5	
27	7117	Nguyễn Huỳnh Bích Ngọc	21/09/2012	Nữ	7.5	
28	7118	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	21/09/2012	Nữ	7.5	
29	7119	Phan Đặng Bảo Ngọc	03/04/2012	Nữ	7.6	
30	7120	Nguyễn Khánh Nguyên	22/03/2012	Nữ	7.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 05**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	7121	Đinh Thị Kim Nguyên	14/05/2012	Nữ	7.3	
2	7122	Đinh Lê Thảo Nguyên	23/07/2012	Nữ	7.4	
3	7123	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	27/08/2012	Nữ	7.5	
4	7124	Vũ Thị Thanh Nhân	26/01/2012	Nữ	7.6	
5	7125	Nguyễn Thành Nhân	02/02/2012	Nam	7.1	
6	7126	Nguyễn Quý Nhân	14/05/2012	Nam	7.3	
7	7127	Nguyễn Thiện Nhân	14/10/2012	Nam	7.4	
8	7128	Nguyễn Trọng Nhân	14/10/2012	Nam	7.4	
9	7129	Trần Minh Nhật	15/03/2012	Nam	7.6	
10	7130	Nguyễn Đình Thanh Nhi	18/03/2012	Nữ	7.1	
11	7131	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	08/04/2012	Nữ	7.2	
12	7132	Lê Xuân Thanh Nhi	06/10/2012	Nữ	7.2	
13	7133	Đỗ Ngọc Bảo Nhi	29/06/2012	Nữ	7.3	
14	7134	Hồ Yên Nhi	30/11/2012	Nữ	7.3	
15	7135	Nguyễn Yên Nhi	04/02/2012	Nữ	7.4	
16	7136	Trần Ngọc Yên Nhi	16/08/2012	Nữ	7.5	
17	7137	Nguyễn Thị Yên Nhi	19/11/2012	Nữ	7.6	
18	7138	Trương Quỳnh Như	01/11/2012	Nữ	7.5	
19	7139	Lê Ngọc Đan Như	03/12/2012	Nữ	7.6	
20	7140	Lê Tấn Phát	11/08/2012	Nam	7.1	
21	7141	Nguyễn Ngọc Phát	04/03/2012	Nam	7.2	
22	7142	Võ Thuận Phát	11/10/2012	Nam	7.6	
23	7143	Nguyễn Vũ Lâm Phi	26/07/2011	Nam	7.2	
24	7144	Huỳnh Thanh Phong	23/02/2012	Nam	7.3	
25	7145	Lê Hoài Phúc	12/04/2012	Nữ	7.1	
26	7146	Trần Thiên Phúc	01/09/2012	Nam	7.3	
27	7147	Lê Đình Phúc	24/04/2012	Nam	7.4	
28	7148	Nguyễn Thiên Phúc	18/05/2012	Nam	7.5	
29	7149	Nguyễn Minh Phúc	25/11/2012	Nam	7.6	
30	7150	Nguyễn Thị Ngọc Phước	05/09/2012	Nữ	7.1	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP  
KHỐI 7

KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
Năm học 2024-2025  
(Từ SBD 7151 đến SBD 7180)

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	7151	Phan Nguyễn Thanh Phương	12/10/2012	Nữ	7.2	
2	7152	Nguyễn Ngọc Bích Phượng	26/04/2012	Nữ	7.5	
3	7153	Đặng Ngọc Đăng Quang	08/09/2012	Nam	7.4	
4	7154	Nguyễn Hoàng Minh Quân	06/09/2012	Nam	7.1	
5	7155	Nguyễn Minh Quân	19/06/2012	Nam	7.5	
6	7156	Trần Lập Quân	14/05/2012	Nam	7.6	
7	7157	Lê Thị Như Quỳnh	01/09/2012	Nữ	7.2	
8	7158	Nguyễn Lâm Trúc Quỳnh	06/11/2012	Nữ	7.3	
9	7159	Trần Thị Như Quỳnh	05/08/2012	Nữ	7.4	
10	7160	Nguyễn Quỳnh Sa	26/07/2012	Nữ	7.3	
11	7161	Nguyễn Thái Kiều Sang	24/04/2012	Nữ	7.6	
12	7162	Trần Anh Tài	19/06/2012	Nam	7.1	
13	7163	Võ Phúc Tài	18/07/2012	Nam	7.3	
14	7164	Lê Hoài Tâm	04/06/2012	Nữ	7.4	
15	7165	Nguyễn Khắc Tân	11/10/2012	Nam	7.6	
16	7166	Đình Hoàng Ngọc Tiên	02/11/2009	Nữ	7.1	
17	7167	Huỳnh Ngô Mỹ Tiên	03/08/2012	Nữ	7.1	
18	7168	Nguyễn Ngọc Thanh Tiên	29/01/2012	Nữ	7.2	
19	7169	Phạm Thị Bảo Tiên	28/10/2012	Nữ	7.3	
20	7170	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	23/12/2012	Nữ	7.5	
21	7171	Bùi Trần Thủy Tiên	20/12/2012	Nữ	7.6	
22	7172	Phạm Chín Tín	21/06/2012	Nam	7.5	
23	7173	Âu Trung Tín	04/09/2012	Nam	7.6	
24	7174	Trương Bá Toàn	11/08/2012	Nam	7.3	
25	7175	Trần Thị Thanh Tú	14/10/2012	Nữ	7.4	
26	7176	Nguyễn Hữu Tuấn	22/11/2011	Nam	7.1	
27	7177	Nguyễn Văn Tuấn	08/09/2012	Nam	7.4	
28	7178	Huỳnh Thanh Tuyên	12/03/2012	Nữ	7.2	
29	7179	Trần Thị Thanh Tuyên	17/01/2012	Nữ	7.2	
30	7180	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	23/02/2012	Nữ	7.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP Năm học 2024-2025  
KHỐI 7 (Từ SBD 7181 đến SBD 7209)

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 08**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	7181	Phạm Quỳnh Minh Tuyết	28/09/2012	Nữ	7.4	
2	7182	Nguyễn Quý Thái	06/04/2012	Nam	7.1	
3	7183	Võ Thiện Thanh	14/10/2012	Nữ	7.4	
4	7184	Nguyễn Trúc Thanh	10/03/2012	Nữ	7.5	
5	7185	Nguyễn Huyền Nguyễn Thảo	04/08/2012	Nữ	7.6	
6	7186	Lê Thị Hồng Thắm	08/04/2012	Nữ	7.5	
7	7187	Lê Toàn Thắng	30/04/2012	Nam	7.5	
8	7188	Phạm Huỳnh Hữu Thiên	14/11/2012	Nam	7.5	
9	7189	Hồ Duy Thiện	09/02/2012	Nam	7.1	
10	7190	Nguyễn Đức Thiện	22/10/2012	Nam	7.2	
11	7191	Lưu Phước Thiện	29/08/2011	Nam	7.2	
12	7192	Nguyễn Quang Thiện	05/06/2012	Nam	7.5	
13	7193	Trần Thanh Thuận	20/01/2012	Nam	7.4	
14	7194	Huỳnh Thanh Thùy	09/02/2012	Nữ	7.6	
15	7195	Đỗ Thy Thanh Thủy	21/10/2012	Nữ	7.1	
16	7196	Nguyễn Thị Minh Thúy	16/04/2012	Nữ	7.1	
17	7197	Nguyễn Minh Thúy	08/02/2012	Nữ	7.2	
18	7198	Trần Thiện Minh Thư	24/03/2012	Nữ	7.2	
19	7199	Trần Minh Thư	15/09/2012	Nữ	7.3	
20	7200	Nguyễn Lê Hoàng Thư	01/07/2012	Nữ	7.4	
21	7201	Nguyễn Phương Thư	01/10/2012	Nữ	7.5	
22	7202	Lê Dương Bích Trâm	27/07/2012	Nữ	7.1	
23	7203	Nguyễn Hồ Bích Trâm	09/11/2012	Nữ	7.5	
24	7204	Lê Thị Bảo Trâm	11/11/2012	Nữ	7.3	
25	7205	Cao Lê Tuyết Trâm	01/03/2012	Nữ	7.5	
26	7206	Nguyễn Trần Ái Trâm	09/09/2012	Nữ	7.6	
27	7207	Phan Công Minh Trí	02/01/2012	Nam	7.4	
28	7208	Nguyễn Minh Triều	17/07/2012	Nam	7.2	
29	7209	Trần Ngọc Phương Trinh	09/10/2012	Nữ	7.1	

Danh sách có 29 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 09**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú	
1	7210	Lê Thị Tuyết	Trinh	26/05/2012	Nữ	7.2	
2	7211	Trần Thị Kiều	Trinh	15/06/2012	Nữ	7.6	
3	7212	Nguyễn Tấn	Trọng	08/10/2012	Nam	7.1	
4	7213	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	24/01/2012	Nữ	7.1	
5	7214	Hoàng Thị Thanh	Trúc	29/02/2012	Nữ	7.2	
6	7215	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/02/2012	Nữ	7.6	
7	7216	Nguyễn Quốc	Trường	19/12/2012	Nam	7.6	
8	7217	Nguyễn Phương	Uyên	21/09/2012	Nữ	7.3	
9	7218	Hoàng Tú	Uyên	17/06/2012	Nữ	7.5	
10	7219	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	16/11/2012	Nữ	7.4	
11	7220	Nguyễn Thị Thùy	Vân	27/11/2012	Nữ	7.6	
12	7221	Nguyễn Lê	Vinh	26/01/2012	Nam	7.6	
13	7222	Lê Võ Hoàng	Vũ	19/04/2012	Nam	7.1	
14	7223	Trương Nhất	Vũ	06/07/2012	Nam	7.2	
15	7224	Nguyễn Tuấn	Vũ	05/08/2012	Nam	7.3	
16	7225	Hứa Nguyễn Ái	Vy	06/02/2012	Nữ	7.1	
17	7226	Trần Ngọc Trúc	Vy	15/08/2012	Nữ	7.1	
18	7227	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	23/09/2012	Nữ	7.2	
19	7228	Trần Khánh	Vy	08/10/2012	Nữ	7.2	
20	7229	Lê Ngọc Tường	Vy	10/10/2012	Nữ	7.3	
21	7230	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	18/12/2012	Nữ	7.4	
22	7231	Nguyễn Tường	Vy	13/01/2012	Nữ	7.4	
23	7232	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	03/08/2012	Nữ	7.5	
24	7233	Lại Hà	Vy	02/10/2012	Nữ	7.6	
25	7234	Nguyễn Gia Khánh	Vy	03/12/2012	Nữ	7.6	
26	7235	Nguyễn Hoàng Ý	Vy	09/08/2012	Nữ	7.6	
27	7236	Đoàn Thị Hồng	Yến	20/08/2012	Nữ	7.3	
28	7237	Nguyễn Hồng	Yến	31/05/2012	Nữ	7.5	
29	7238	Lê Hoàng	Yến	30/04/2012	Nữ	7.6	

Danh sách có 29 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 13

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	8001	Lê Gia An	18/07/2011	Nữ	8.1	
2	8002	Nguyễn Trần Hải An	01/11/2011	Nữ	8.1	
3	8003	Lê Gia An	01/08/2011	Nam	8.2	
4	8004	Trương Thị Phương An	31/03/2011	Nữ	8.2	
5	8005	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	04/08/2011	Nữ	8.3	
6	8006	Trần Quỳnh Anh	04/08/2011	Nữ	8.4	
7	8007	Lê Trịnh Quỳnh Anh	13/12/2011	Nữ	8.4	
8	8008	Lê Huỳnh Thiên Bảo	11/02/2011	Nam	8.1	
9	8009	Nguyễn Xuân Bảo	04/10/2011	Nam	8.3	
10	8010	Nguyễn Thanh Bình	05/03/2011	Nam	8.4	
11	8011	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	22/07/2011	Nữ	8.4	
12	8012	Trần Ngọc Hồng Châu	22/03/2011	Nữ	8.4	
13	8013	Lăng Như Bảo Châu	18/12/2011	Nữ	8.5	
14	8014	Huỳnh Minh Chương	24/08/2010	Nam	8.5	
15	8015	Trần Lâm Hồng Diễm	11/08/2011	Nữ	8.2	
16	8016	Đình Lê Xuân Diệu	15/02/2011	Nữ	8.1	
17	8017	Trương Thị Thùy Dung	19/06/2011	Nữ	8.5	
18	8018	Phạm Trí Dũng	26/08/2011	Nam	8.4	
19	8019	Nguyễn Lê Bảo Duy	28/06/2011	Nam	8.1	
20	8020	Lê Minh Duy	16/08/2011	Nam	8.3	
21	8021	Trần Bảo Duy	26/07/2011	Nam	8.5	
22	8022	Nguyễn Khắc Duy	23/06/2011	Nam	8.5	
23	8023	Dương Thùy Phương Đan	01/04/2011	Nữ	8.1	
24	8024	Trần Ngọc Khánh Đan	04/06/2011	Nữ	8.2	
25	8025	Phạm Khánh Đan	30/04/2011	Nữ	8.5	
26	8026	Nguyễn Thành Đạt	24/12/2011	Nam	8.4	
27	8027	Trần Minh Đăng	22/04/2011	Nam	8.5	
28	8028	Nguyễn Xuân Hà	26/09/2011	Nam	8.2	
29	8029	Lê Thị Mỹ Hạnh	01/03/2011	Nữ	8.3	
30	8030	Nguyễn Thùy Bích Hào	05/01/2011	Nữ	8.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 14**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	8031	Phan Thị Mỹ Hảo	06/09/2011	Nữ	8.4	
2	8032	Nguyễn Ngọc Hân	19/09/2011	Nữ	8.4	
3	8033	Trịnh Thị Kiều Hân	28/08/2011	Nữ	8.5	
4	8034	Nguyễn Hoàng Hiên	10/12/2011	Nam	8.1	
5	8035	Nguyễn Khắc Hiều	07/11/2011	Nam	8.1	
6	8036	Trần Phan Ngọc Hiều	16/12/2011	Nữ	8.2	
7	8037	Trần Thị Ngọc Hoa	01/06/2011	Nữ	8.1	
8	8038	Phan Văn Minh Hoàng	17/05/2011	Nam	8.3	
9	8039	Bùi Lê Quốc Hoàng	11/08/2011	Nam	8.4	
10	8040	Trần Minh Huy	08/04/2011	Nam	8.2	
11	8041	Lê Đức Huy	30/08/2011	Nam	8.5	
12	8042	Lê Bích Huyền	18/07/2011	Nữ	8.3	
13	8043	Hoàng Gia Huỳnh	01/07/2011	Nam	8.1	
14	8044	Nguyễn Đoàn Hữu Hưng	09/10/2011	Nam	8.3	
15	8045	Bùi Bảo Hương	14/12/2011	Nữ	8.3	
16	8046	Nguyễn Quỳnh Hương	28/11/2011	Nữ	8.5	
17	8047	Thái Trung Kiên	13/08/2011	Nam	8.1	
18	8048	Nguyễn Anh Kiệt	06/01/2011	Nam	8.2	
19	8049	Đinh Thị Ngọc Kiều	12/08/2011	Nữ	8.2	
20	8050	Nguyễn Trần Hoàng Kim	27/08/2011	Nam	8.5	
21	8051	Cao Tấn Khang	30/06/2011	Nam	8.1	
22	8052	Trần Nhật Khang	28/10/2011	Nam	8.2	
23	8053	Trần Quốc Dương Khang	14/03/2011	Nam	8.4	
24	8054	Hồ Anh Khoa	05/09/2011	Nam	8.3	
25	8055	Lê Trung Anh Khôi	01/12/2011	Nam	8.5	
26	8056	Lê Minh Lam	24/04/2011	Nữ	8.1	
27	8057	Trần Lý Uyên Lam	20/04/2011	Nữ	8.2	
28	8058	Huỳnh Thanh Lâm	09/01/2011	Nam	8.4	
29	8059	Nguyễn Hữu Lộc	29/03/2011	Nam	8.3	
30	8060	Nguyễn Thị Yến Lượng	30/08/2011	Nữ	8.2	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 15**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	8061	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	11/08/2011	Nữ	8.4	
2	8062	Huỳnh Triệu Mẫn	22/03/2011	Nữ	8.1	
3	8063	Nguyễn Ngọc Minh	20/03/2011	Nam	8.4	
4	8064	Nguyễn Thị Diễm My	18/11/2011	Nữ	8.1	
5	8065	Ngô Hoàng Hà My	18/08/2011	Nữ	8.3	
6	8066	Lại Hà My	24/03/2011	Nữ	8.5	
7	8067	Nguyễn Phú Ninh	24/12/2011	Nam	8.2	
8	8068	Văn Thị Thanh Nga	01/05/2011	Nữ	8.4	
9	8069	Nguyễn Thị Bích Ngân	21/03/2011	Nữ	8.1	
10	8070	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	02/08/2011	Nữ	8.2	
11	8071	Nguyễn Thị Kim Ngân	18/07/2011	Nữ	8.2	
12	8072	Bùi Thị Thu Ngân	19/08/2011	Nữ	8.3	
13	8073	Phạm Thị Thúy Ngân	21/02/2011	Nữ	8.4	
14	8074	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/12/2011	Nữ	8.5	
15	8075	Trần Thị Tuyết Ngân	10/07/2011	Nữ	8.5	
16	8076	Thái Bảo Ngọc	01/01/2011	Nữ	8.1	
17	8077	Lăng Như Bảo Ngọc	18/12/2011	Nữ	8.5	
18	8078	Huỳnh Nguyễn Khôi Nguyên	09/09/2011	Nam	8.2	
19	8079	Phạm Trí Nguyên	30/10/2011	Nam	8.5	
20	8080	Phạm Thanh Nhân	14/10/2011	Nữ	8.1	
21	8081	Nguyễn Thị Xuân Nhân	15/10/2011	Nữ	8.5	
22	8082	Thái Hoàng Duy Nhân	26/01/2011	Nam	8.1	
23	8083	Nguyễn Hữu Nhân	06/12/2011	Nam	8.1	
24	8084	Nguyễn Trần Mỹ Nhân	22/06/2011	Nữ	8.3	
25	8085	Trương Thành Nhân	04/12/2011	Nam	8.3	
26	8086	Nguyễn Trương Thành Nhân	15/12/2011	Nam	8.4	
27	8087	Lê Thành Nhân	23/09/2011	Nam	8.5	
28	8088	Nguyễn Quang Nhật	30/03/2011	Nam	8.2	
29	8089	Trương Thị Yến Nhi	19/11/2011	Nữ	8.1	
30	8090	Huỳnh Thanh Yên Nhi	02/05/2011	Nữ	8.2	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 16**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	8091	Lê Đông Nhi	17/03/2011	Nữ	8.3	
2	8092	Nguyễn Lê Phương Nhi	12/01/2011	Nữ	8.3	
3	8093	Trần Thị Tuyết Nhi	05/07/2011	Nữ	8.4	
4	8094	Nguyễn Thị Ý Nhi	21/07/2011	Nữ	8.5	
5	8095	Đào Khánh Nhiên	20/01/2011	Nữ	8.2	
6	8096	Nguyễn Thị Bảo Như	28/02/2011	Nữ	8.3	
7	8097	Trần Ngọc Quỳnh Như	03/02/2011	Nữ	8.4	
8	8098	Trần Trung Nhật	15/05/2011	Nam	8.5	
9	8099	Nguyễn Tấn Phát	28/07/2011	Nam	8.1	
10	8100	Lê Nguyễn Nhật Phúc	02/10/2011	Nam	8.1	
11	8101	Lê Kim Phúc	13/05/2011	Nữ	8.5	
12	8102	Lê Thành Phụng	13/06/2011	Nam	8.3	
13	8103	Võ Thị Ngọc Phụng	16/05/2011	Nữ	8.4	
14	8104	Huỳnh Gia Phước	15/06/2011	Nam	8.3	
15	8105	Phạm Văn Phước	10/06/2011	Nam	8.4	
16	8106	Đỗ Lê Uyên Phương	18/02/2011	Nữ	8.2	
17	8107	Ngô Hoàng Liên Phương	07/09/2011	Nữ	8.5	
18	8108	Lê Hoàng Quân	23/12/2010	Nam	8.4	
19	8109	Nguyễn Ngọc Minh Quân	14/04/2011	Nam	8.5	
20	8110	Nguyễn Thị Trúc Quyên	15/12/2011	Nữ	8.1	
21	8111	Trần Tuấn Quỳnh	17/09/2011	Nam	8.2	
22	8112	Nguyễn Duy Sang	17/06/2011	Nam	8.1	
23	8113	Nguyễn Hoàng Sang	21/06/2011	Nam	8.2	
24	8114	Trần Ngọc Nguyên Sang	19/04/2011	Nam	8.3	
25	8115	Lê Văn Sang	14/10/2011	Nam	8.4	
26	8116	Lê Nguyễn Minh Sơn	18/12/2011	Nam	8.3	
27	8117	Nguyễn Trịnh Ngọc Sơn	16/03/2011	Nam	8.5	
28	8118	Nguyễn Tấn Tài	26/05/2011	Nam	8.2	
29	8119	Lê Minh Tâm	19/06/2011	Nam	8.2	
30	8120	Nguyễn Thị Thanh Tâm	25/05/2011	Nữ	8.3	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP  
KHỐI 8

KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
Năm học 2024-2025  
(Từ SBD 8121 đến SBD 8151)

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 17**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	8121	Trần Thị Thủy Tiên	01/05/2011	Nữ	8.3	
2	8122	Phan Thủy Tiên	10/10/2011	Nữ	8.4	
3	8123	Phan Hàn Tín	26/05/2011	Nam	8.3	
4	8124	Phan Công Bảo Toàn	29/03/2011	Nam	8.1	
5	8125	Võ Trần Nhật Tú	04/06/2011	Nam	8.4	
6	8126	Đình Minh Tuấn	19/01/2011	Nam	8.2	
7	8127	Nguyễn Quốc Tuấn	09/05/2011	Nam	8.4	
8	8128	Bùi Anh Tuấn	06/10/2011	Nam	8.5	
9	8129	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	05/12/2011	Nữ	8.1	
10	8130	Nguyễn Thị Bích Tuyền	08/04/2011	Nữ	8.2	
11	8131	Phạm Ngọc Thái	24/11/2011	Nam	8.1	
12	8132	Bùi Thị Ngọc Thanh	27/07/2011	Nữ	8.4	
13	8133	Lê Thị Xuân Thanh	30/01/2011	Nữ	8.5	
14	8134	Ngô Thanh Thảo	21/10/2011	Nữ	8.5	
15	8135	Cao Thị Hồng Thắm	27/11/2011	Nữ	8.5	
16	8136	Hồ Nhật Thi	10/11/2011	Nam	8.3	
17	8137	Lê Mỹ Thiện	14/11/2011	Nữ	8.2	
18	8138	Võ Nhật Thiện	11/11/2011	Nam	8.4	
19	8139	Nguyễn Thái Thiện	20/02/2011	Nam	8.4	
20	8140	Nguyễn Thanh Thiện	09/11/2011	Nam	8.5	
21	8141	Huỳnh Trường Thịnh	01/06/2011	Nam	8.1	
22	8142	Nguyễn Thị Hồng Thơ	08/12/2011	Nữ	8.1	
23	8143	Nguyễn Thị Minh Thơ	12/06/2011	Nữ	8.2	
24	8144	Phạm Thanh Thuận	16/12/2011	Nam	8.2	
25	8145	Phạm Minh Thuận	21/07/2011	Nam	8.5	
26	8146	Nguyễn Lê Thanh Thùy	07/04/2011	Nữ	8.3	
27	8147	Võ Ngọc Anh Thư	27/07/2011	Nữ	8.1	
28	8148	Nguyễn Lê Anh Thư	10/07/2011	Nữ	8.3	
29	8149	Trần Ngọc Anh Thư	29/03/2011	Nữ	8.4	
30	8150	Đoàn Trọng Thức	12/03/2011	Nam	8.2	
31	8151	Trần Ngọc Bảo Thy	27/12/2011	Nữ	8.2	

Danh sách có 31 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 20**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	8152	Phan Thị Thùy Trang	21/10/2011	Nữ	8.1	
2	8153	Ung Thanh Trang	31/12/2011	Nữ	8.4	
3	8154	Bùi Lê Thùy Trang	05/11/2011	Nữ	8.5	
4	8155	Đặng Trần Ngọc Trâm	12/02/2011	Nữ	8.2	
5	8156	Bùi Hoàng Bảo Trâm	20/07/2011	Nữ	8.3	
6	8157	Lê Thị Tuyết Trâm	06/01/2011	Nữ	8.5	
7	8158	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	10/09/2011	Nữ	8.4	
8	8159	Nguyễn Thanh Trí	30/05/2011	Nam	8.5	
9	8160	Nguyễn Trần Thảo Trinh	05/09/2011	Nữ	8.3	
10	8161	Trần Nhật Phương Trinh	25/12/2011	Nữ	8.5	
11	8162	Hà Đăng Trình	15/11/2011	Nam	8.2	
12	8163	Thái Thanh Trúc	02/06/2011	Nữ	8.2	
13	8164	Nguyễn Thành Trung	22/11/2011	Nam	8.1	
14	8165	Nguyễn Thành Trung	05/04/2011	Nam	8.2	
15	8166	Trần Xuân Trường	25/03/2011	Nam	8.3	
16	8167	Đinh Phương Uyên	20/11/2011	Nữ	8.1	
17	8168	Nguyễn Thị Phương Uyên	18/02/2011	Nữ	8.3	
18	8169	Nguyễn Tú Uyên	20/09/2011	Nữ	8.4	
19	8170	Nguyễn Trần Thanh Vân	22/12/2011	Nữ	8.2	
20	8171	Nguyễn Tường Võ	03/05/2011	Nam	8.3	
21	8172	Bùi Vỹ Hy Vọng	13/08/2011	Nữ	8.5	
22	8173	Lê Đăng Thanh Vũ	03/12/2011	Nam	8.4	
23	8174	Phạm Vũ Ngân Vy	30/01/2011	Nữ	8.1	
24	8175	Lê Phan Triệu Vy	21/05/2011	Nữ	8.3	
25	8176	Nguyễn Trần Tường Vy	27/02/2011	Nữ	8.4	
26	8177	Phạm Thị Như Ý	26/08/2011	Nữ	8.4	
27	8178	Phan Như Ý	20/11/2011	Nữ	8.5	
28	8179	Thái Kiều Ngọc Yên	19/12/2011	Nữ	8.1	
29	8180	Đỗ Hải Yên	18/10/2011	Nữ	8.3	
30	8181	Nguyễn Hoàng Ngọc Yên	05/08/2011	Nữ	8.4	
31	8182	Nguyễn Ngọc Yên	11/04/2011	Nữ	8.5	

Danh sách có 31 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 13**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	9001	Nguyễn Ngọc Bội An	28/08/2010	Nữ	9.1	
2	9002	Huỳnh Sơn An	17/04/2010	Nam	9.2	
3	9003	Lê Gia An	28/12/2010	Nam	9.4	
4	9004	Nguyễn Thanh Bình	07/05/2010	Nam	9.3	
5	9005	Huỳnh Ngọc Boan	26/05/2010	Nam	9.4	
6	9006	Trần Lê Ngọc Châu	29/10/2010	Nữ	9.1	
7	9007	Nguyễn Hồ Thị Chinh	29/03/2010	Nữ	9.2	
8	9008	Nguyễn Thị Hồng Diệu	27/12/2010	Nữ	9.4	
9	9009	Lê Khánh Duy	25/12/2010	Nam	9.2	
10	9010	Dương Bảo Duy	10/03/2010	Nam	9.3	
11	9011	Phạm Trương Khánh Duy	18/11/2010	Nam	9.4	
12	9012	Trần Khánh Dương	13/02/2010	Nam	9.1	
13	9013	Nguyễn Ngọc Linh Đan	29/09/2010	Nữ	9.2	
14	9014	Ngô Minh Khánh Đạt	01/05/2010	Nam	9.1	
15	9015	Nguyễn Tấn Đạt	10/03/2010	Nam	9.3	
16	9016	Lưu Vũ Đăng	01/02/2010	Nam	9.2	
17	9017	Nguyễn Minh Đăng	07/04/2010	Nam	9.3	
18	9018	Trần Võ Minh Đức	09/05/2010	Nữ	9.4	
19	9019	Nguyễn Khánh Hà	07/02/2010	Nữ	9.1	
20	9020	Nguyễn Lê Nhật Hà	14/11/2010	Nữ	9.2	
21	9021	Nguyễn Đặng Ngọc Hà	19/04/2010	Nữ	9.3	
22	9022	Nguyễn Vĩnh Hào	15/08/2009	Nam	9.1	
23	9023	Trần Ngọc Gia Hân	27/10/2010	Nữ	9.2	
24	9024	Đinh Thị Ngọc Hân	12/05/2010	Nữ	9.4	
25	9025	Trương Phúc Hiền	14/02/2010	Nam	9.1	
26	9026	Lương Mạnh Hiến	16/04/2010	Nam	9.2	
27	9027	Đinh Lê Minh Hiếu	17/03/2010	Nam	9.3	
28	9028	Trương Ngọc Hoa	13/07/2010	Nữ	9.2	
29	9029	Nguyễn Võ Xuân Hòa	22/11/2010	Nam	9.4	

Danh sách có 29 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 14**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	9030	Phan Ngọc Hùng	13/11/2010	Nam	9.1	
2	9031	Cao Vũ Huy	27/12/2010	Nam	9.1	
3	9032	Trương Đan Huy	21/07/2010	Nam	9.2	
4	9033	Ngô Gia Huy	20/02/2010	Nam	9.3	
5	9034	Nguyễn Gia Huy	14/12/2010	Nam	9.4	
6	9035	Triệu Gia Hưng	15/07/2010	Nam	9.1	
7	9036	Lê Thành Hưng	13/02/2010	Nam	9.1	
8	9037	Lương Thanh Hưng	07/12/2010	Nam	9.2	
9	9038	Nguyễn Hà Tuyết Hương	27/08/2010	Nữ	9.3	
10	9039	Ngô Tuấn Kiệt	27/06/2010	Nam	9.1	
11	9040	Trần Minh Kha	28/03/2010	Nam	9.4	
12	9041	Trần Thiện Minh Khang	14/09/2010	Nam	9.1	
13	9042	Võ Nguyễn Nguyên Khang	02/11/2010	Nam	9.1	
14	9043	Nguyễn Lê Nhật Khang	03/09/2010	Nam	9.2	
15	9044	Đặng Tuấn Khang	25/06/2010	Nam	9.3	
16	9045	Trịnh Duy Khánh	16/06/2010	Nam	9.2	
17	9046	Trần Văn Khiêm	22/06/2010	Nam	9.3	
18	9047	Phan Anh Khoa	15/09/2009	Nam	9.1	
19	9048	Nguyễn Đăng Khoa	07/02/2010	Nam	9.4	
20	9049	Nguyễn Đăng Khôi	15/03/2010	Nam	9.2	
21	9050	Trần Bích Lam	10/01/2010	Nữ	9.3	
22	9051	Nguyễn Quốc Lâm	18/08/2010	Nam	9.1	
23	9052	Nguyễn Thị Trúc Lâm	12/03/2010	Nữ	9.2	
24	9053	Bùi Phi Lâm	22/10/2010	Nam	9.3	
25	9054	Nguyễn Huỳnh Trúc Linh	22/01/2010	Nữ	9.2	
26	9055	Nguyễn Bùi Phương Linh	02/11/2010	Nữ	9.3	
27	9056	Nguyễn Văn Long	12/10/2010	Nam	9.1	
28	9057	Lê Thành Long	14/06/2010	Nam	9.2	
29	9058	Đỗ Văn Long	12/11/2010	Nam	9.4	

Danh sách có 29 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP  
KHỐI 9

KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
Năm học 2024-2025  
(Từ SBD 9059 đến SBD 9087)

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 15

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	9059	Phạm Thị Hòa Mi	23/09/2010	Nữ	9.2	
2	9060	Trương Thị Tuyết Mơ	08/08/2010	Nữ	9.4	
3	9061	Lê Thị My My	03/03/2010	Nữ	9.1	
4	9062	Võ Nguyễn Ngọc My	12/11/2010	Nữ	9.3	
5	9063	Trần Nguyễn Ngọc Nam	05/01/2010	Nam	9.1	
6	9064	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	02/03/2010	Nữ	9.3	
7	9065	Đinh Ngọc Kim Ngân	17/12/2010	Nữ	9.4	
8	9066	Phạm Thị Thùy Ngân	30/10/2010	Nữ	9.4	
9	9067	Huỳnh Thị Kim Ngọc	01/01/2010	Nữ	9.1	
10	9068	Trần Khánh Ngọc	13/09/2010	Nữ	9.2	
11	9069	Nguyễn Thị Kim Ngọc	08/07/2010	Nữ	9.2	
12	9070	Đỗ Hoàng Yên Ngọc	28/05/2010	Nữ	9.4	
13	9071	Võ Trần Thảo Nguyên	16/08/2010	Nữ	9.2	
14	9072	Tăng Bảo Nguyên	20/08/2009	Nam	9.3	
15	9073	Võ Bảo Bình Nguyên	19/08/2010	Nữ	9.3	
16	9074	Trần Thị Xuân Nguyệt	15/01/2010	Nữ	9.1	
17	9075	Huỳnh Thị Phương Nhi	10/11/2010	Nữ	9.2	
18	9076	Trần Dương Thanh Nhi	05/07/2010	Nữ	9.3	
19	9077	Văn Ngọc Yên Nhi	24/09/2010	Nữ	9.3	
20	9078	Phan Thị Yên Nhi	30/06/2010	Nữ	9.4	
21	9079	Phan Ngọc Bảo Nhiên	18/11/2010	Nữ	9.1	
22	9080	Nguyễn Hà Bích Nhung	17/08/2010	Nữ	9.2	
23	9081	Phạm Thị Hồng Như	13/08/2010	Nữ	9.3	
24	9082	Nguyễn Thị Khánh Như	30/09/2010	Nữ	9.4	
25	9083	Nguyễn Ngọc Uyên Như	26/09/2010	Nữ	9.4	
26	9084	Phùng Quốc Duy Nhựt	31/03/2010	Nam	9.2	
27	9085	Trần Gia Phát	22/07/2010	Nam	9.2	
28	9086	Nguyễn Hoàng Nhật Phi	27/07/2010	Nam	9.3	
29	9087	Trần Lê Phong	07/12/2010	Nam	9.2	

Danh sách có 29 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC  
TRƯỜNG THCS HÀM HIỆP  
KHỐI 9

KỶ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II  
Năm học 2024-2025  
(Từ SBD 9088 đến SBD 9116)

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 16

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	9088	Trần Hồng Phúc	02/09/2010	Nam	9.4	
2	9089	Lê Như Phụng	02/01/2010	Nữ	9.3	
3	9090	Võ Gia Quân	21/10/2010	Nam	9.4	
4	9091	Huỳnh Thị Kim Quy	11/06/2010	Nữ	9.4	
5	9092	Nguyễn Thị Lệ Quyên	10/01/2010	Nữ	9.1	
6	9093	Hồ Thanh Quyền	23/10/2010	Nữ	9.2	
7	9094	Lê Ngọc Như Quỳnh	12/08/2009	Nữ	9.2	
8	9095	Lê Duy Đông Sang	13/01/2010	Nam	9.3	
9	9096	Nguyễn Trần Hoàng Thái Tài	27/03/2010	Nam	9.1	
10	9097	Trần Nhật Tài	12/02/2010	Nam	9.3	
11	9098	Nguyễn Thành Tài	30/08/2010	Nam	9.4	
12	9099	Nguyễn Duy Tân	25/07/2010	Nam	9.1	
13	9100	Nguyễn Văn Tính	17/10/2010	Nam	9.2	
14	9101	Võ Khắc Toàn	17/11/2010	Nam	9.3	
15	9102	Trần Tiến Toàn	25/09/2010	Nam	9.4	
16	9103	Ngô Xuân Tú	17/09/2010	Nam	9.1	
17	9104	Nguyễn Thành Tú	30/08/2010	Nam	9.4	
18	9105	Trần Anh Tuấn	08/09/2010	Nam	9.3	
19	9106	Trần Hoàng Ngọc Thạch	28/03/2010	Nam	9.2	
20	9107	Phan Quỳnh Thanh	30/10/2010	Nữ	9.3	
21	9108	Nguyễn Chí Thành	30/08/2010	Nam	9.4	
22	9109	Lê Tấn Thắng	16/01/2010	Nam	9.1	
23	9110	Nguyễn Hồng Thắng	26/06/2010	Nam	9.4	
24	9111	Võ Văn Thiện	26/06/2010	Nam	9.1	
25	9112	Nguyễn Thanh Thiện	04/04/2010	Nam	9.3	
26	9113	Nguyễn Thành Thịnh	17/02/2010	Nam	9.1	
27	9114	Phạm Thanh Thùy	12/11/2010	Nữ	9.4	
28	9115	Lê Huỳnh Anh Thư	17/05/2009	Nữ	9.4	
29	9116	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/03/2010	Nữ	9.1	

Danh sách có 29 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA SỐ 17**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học	Ghi chú
1	9117	Nguyễn Thị Bích Trâm	04/06/2010	Nữ	9.2	
2	9118	Nguyễn Thành Trí	22/11/2010	Nam	9.3	
3	9119	Lê Minh Triết	17/07/2010	Nam	9.3	
4	9120	Huỳnh Đăng Trình	11/09/2010	Nam	9.2	
5	9121	Lê Minh Trọng	16/08/2010	Nam	9.4	
6	9122	Nguyễn Thị Minh Trúc	03/01/2010	Nữ	9.1	
7	9123	Nguyễn Thanh Trúc	21/03/2010	Nữ	9.1	
8	9124	Lê Thị Thanh Trúc	16/07/2010	Nữ	9.1	
9	9125	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc	06/10/2010	Nữ	9.2	
10	9126	Nguyễn Quỳnh Thanh Trúc	10/01/2010	Nữ	9.3	
11	9127	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	03/09/2010	Nữ	9.4	
12	9128	Nguyễn Trương Khả Uyên	05/05/2010	Nữ	9.3	
13	9129	Lê Nguyễn Nhật Vân	27/06/2010	Nữ	9.1	
14	9130	Ngô Ngọc Phương Vi	28/07/2010	Nữ	9.1	
15	9131	Lê Phan Khánh Vi	04/01/2010	Nữ	9.3	
16	9132	Nguyễn Tường Vi	12/08/2010	Nữ	9.3	
17	9133	Nguyễn Phạm Tường Vi	28/07/2010	Nữ	9.4	
18	9134	Nguyễn Hoàng Thảo Viên	10/08/2010	Nữ	9.1	
19	9135	Phan Hoàng Lâm Vũ	04/07/2010	Nam	9.2	
20	9136	Trần Minh Vũ	11/12/2010	Nam	9.3	
21	9137	Phạm Văn Vững	15/03/2010	Nam	9.4	
22	9138	Lê Thị Khánh Vy	01/10/2010	Nữ	9.1	
23	9139	Tô Nguyễn Thanh Vy	04/12/2010	Nữ	9.2	
24	9140	Trương Thị Yên Vy	12/05/2010	Nữ	9.3	
25	9141	Trần Trúc Vy	18/05/2010	Nữ	9.4	
26	9142	Phan Thanh Xuân	16/10/2010	Nam	9.3	
27	9143	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	28/12/2010	Nữ	9.3	
28	9144	Đinh Hải Yên	11/06/2010	Nữ	9.1	
29	9145	Phạm Thị Ngọc Yên	21/12/2010	Nữ	9.1	
30	9146	Phan Lê Hải Yên	14/09/2010	Nữ	9.4	

Danh sách có 30 học sinh./.

Hàm Hiệp, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đăng Hân**